

Tỉnh thành: Hà Giang (S)

| Số TT | Số ĐK     | Số ĐKHC | Tên phương tiện | Chủ phương tiện                           | Địa chỉ                                                | Ngày kiểm tra | Ngày hết hạn | Số biên bản |
|-------|-----------|---------|-----------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------|--------------|-------------|
| 1     | S23-00002 | HG-     | SÔNG GÂM I      | Phòng Công Thương-Huyện Bắc Mê-T/Hà Giang | Xã Yên Phú-H/Bắc Mê-T/Hà Giang, Huyện Bắc Mê           | 12/10/2008    | 15/09/2010   | 00003/08S23 |
| 2     | S23-00005 | HG-     | Đò Ngang        | Hoàng Văn Cường                           | Thôn Thọ Quang,X/Vĩnh Hảo,H/Bắc Quang, Huyện Bắc Quang | 12/09/2009    | 12/09/2010   | 00001/09S23 |
| 3     | S23-00009 | HG-     | Đò NGANG        | Thèn Văn Bình                             | Xã/Trung Thành, Huyện Vị Xuyên                         | 20/09/2009    | 22/09/2010   | 00005/09S23 |

Tỉnh thành: Hà Giang (S)

| Số TT | Số ĐK     | Số ĐKHC | Tên phương tiện       | Chủ phương tiện       | Địa chỉ                                         | Ngày kiểm tra | Ngày hết hạn | Số biên bản |
|-------|-----------|---------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|---------------|--------------|-------------|
| 1     | S23-00001 |         | Chi Cục thuế H/Bắc Mê | Chi Cục thuế H/Bắc Mê | Xã Yên Phú-H/Bắc Mê, Huyện Bắc Mê               | 11/10/2008    | 11/10/2009   | 00001/08S23 |
| 2     | S23-00002 |         | HUY-ĐEP               | Sầm Quốc Huy          | Xã Yên Phú-H/Bắc Mê-T/Hà Giang,<br>Huyện Bắc Mê | 11/10/2008    | 11/10/2009   | 00002/08S23 |
| 3     | S23-00004 |         | THANH -TUYẾN          | Nguyễn Công Thành     | Xã Yên Phú-H/Bắc Mê-T/Hà Giang,<br>Huyện Bắc Mê | 11/10/2008    | 11/10/2009   | 00004/08S23 |
| 4     | S23-00005 |         | Đò ngang              | Hoàng Văn Cường       | Xã/Vĩnh Hảo - H/Bắc Quang ., Huyện<br>Bắc Quang | 12/09/2009    | 12/09/2010   | 00001/09S23 |
| 5     | S23-00006 |         | Đò Ngang              | Đỗ Văn Toàn           | Xã Vĩnh Hảo, H/Bắc Quang, Huyện Bắc<br>Quang    | 12/09/2009    | 12/09/2010   | 00002/09S23 |
| 6     | S23-00007 |         | Đò Ngang              | Bàn Văn Chuyển        | Xã : Vĩnh Hảo-H/Bắc Quang, Huyện Bắc<br>Quang   | 19/09/2009    | 19/09/2010   | 00003/09S23 |
| 7     | S23-00011 |         | Đò Ngang              | Nguyễn Xuân Hùng      | Xã/Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên                     | 20/09/2009    | 20/09/2010   | 00007/09S23 |
| 8     | S23-00012 |         | Đò Ngang              | Lương Xuân Nhật       | Xã/Ngọc Linh, Huyện Vị Xuyên                    | 20/09/2009    | 20/09/2010   | 00008/09S23 |

(Tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2016)

Tỉnh thành: Hà Giang (S)

| Số TT | Số ĐK     | Số ĐKHC | Tên phương tiện | Chủ phương tiện                           | Địa chỉ                                                | Ngày kiểm tra | Ngày hết hạn | Số biên bản |
|-------|-----------|---------|-----------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------|--------------|-------------|
| 1     | S23-00002 | HG-     | SÔNG GÂM I      | Phòng Công Thương-Huyện Bắc Mê-T/Hà Giang | Xã Yên Phú-H/Bắc Mê-T/Hà Giang, Huyện Bắc Mê           | 12/10/2008    | 15/09/2010   | 00003/08S23 |
| 2     | S23-00005 | HG-     | Đò Ngang        | Hoàng Văn Cường                           | Thôn Thọ Quang,X/Vĩnh Hảo,H/Bắc Quang, Huyện Bắc Quang | 12/09/2009    | 12/09/2010   | 00001/09S23 |
| 3     | S23-00009 | HG-     | Đò NGANG        | Thần Văn Bình                             | Xã/Trung Thành, Huyện Vị Xuyên                         | 20/09/2009    | 22/09/2010   | 00005/09S23 |